

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/BC-ĐBCL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN SAU 3 THÁNG TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 7&9/2019

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị.

Nội dung báo cáo:

Đề mục	Nội dung đề mục
Mục I	<u>Mục đích khảo sát</u>
Mục II	<u>Quá trình thực hiện</u>
Mục III	<u>Kết quả khảo sát</u>
	A. <u>Khảo sát về chất lượng đào tạo (phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ)</u>
	B. <u>Tình hình việc làm của SVTN</u>

I. Mục đích khảo sát

1. Tìm hiểu thông tin về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
2. Thu thập ý kiến sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo, công tác quản lý và phục vụ đào tạo của Nhà trường nhằm đề ra giải pháp cải tiến kịp thời, phù hợp.

II. Quá trình thực hiện

1. Thời gian: Từ ngày 06/11 đến hết ngày 30/11/2019
2. Đối tượng: Sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 7&9/2019 (có 1.701/2.161 – tỷ lệ 78,71% sinh viên tốt nghiệp tham gia khảo sát).
3. Phương pháp: Sinh viên tốt nghiệp trả lời Phiếu khảo sát online trên trang web <http://danhgia.hcmute.edu.vn>.

III. Thống kê kết quả

*** Mô tả phiếu khảo sát**

Phiếu khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 7&9/2019 bao gồm 2 mục lớn:

Mục A. Khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Sinh viên tốt nghiệp nhận xét chương trình đào tạo đã học và đánh giá mức độ đáp ứng với thực tế công việc. Sinh viên tốt nghiệp chọn một trong 5 mức: 1. Hoàn toàn không đồng ý, 2. Không đồng ý, 3. Phân vân, 4. Đồng ý, 5. Hoàn toàn đồng ý.

Ngoài ra, ở mục này còn khảo sát ý kiến sinh viên về kỹ năng mềm, hoạt động

Đoàn - Hội, cơ sở vật chất, các hoạt động ngoại khoá.

Mục B. Thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Mục B bao gồm các câu hỏi về tình hình nghề nghiệp, thu nhập của sinh viên sau khi đi làm và đào tạo thêm từ doanh nghiệp và những thông tin khác. Sinh viên trả lời bằng cách chọn vào các phương án đã được liệt kê sẵn hoặc viết vào các ô trống.

*** Kết quả khảo sát**

Mục A. Khảo sát về chất lượng đào tạo

1. Sự hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về nội dung và phương pháp giảng dạy:

Bảng 1. Sự hài lòng của sinh viên về nội dung và phương pháp giảng dạy

Nội dung câu hỏi	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)
1. Chương trình đào tạo được phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	4,1	12,5	83,4
2. GV thường xuyên kết nối nội dung bài học với thực tiễn	3,7	14,8	81,5
3. Nội dung thực hành/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu về công nghệ	6,1	20,5	73,4
4. Phương pháp giảng dạy đa dạng và giúp anh/chị tích cực hơn trong việc học	4,4	18,1	77,5
5. Phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3,0	13,9	83,1
6. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị chủ động lựa chọn học phần, thiết kế lộ trình học tập linh hoạt	4,5	14,2	81,3

Nhìn chung, hầu hết sinh viên rất hài lòng về nội dung và phương pháp giảng dạy, tỷ lệ các tiêu chí trên 80%. Tuy nhiên, còn hai tiêu chí về nội dung thực hành đáp ứng yêu cầu công nghệ và phương pháp giảng dạy đa dạng dưới 80%, vì vậy Nhà trường cần có những cải tiến hiệu quả để chương trình đào tạo ngày một hoàn thiện hơn.

2. Chương trình đào tạo giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng học tập và kỹ năng làm việc:

Bảng 2. Chương trình đào tạo giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng học tập và kỹ năng làm việc

Nội dung câu hỏi	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)
1. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị xây dựng phương pháp học tập hiệu quả	3,6	17,2	79,2
2. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển năng lực thu thập, xử lý thông tin	2,9	12,9	84,2

3. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển năng lực giải quyết vấn đề	3,3	13,8	82,9
4. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển năng lực giao tiếp, thuyết trình	3,5	12,0	84,5
5. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển khả năng nghiên cứu	3,5	15,3	81,2
6. Anh/Chị nhận thấy bản thân đã đạt được chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của chương trình đào tạo	2,8	12,9	84,3

Từ số liệu bảng 2 cho thấy sinh viên hài lòng về chương trình đào tạo, tỷ lệ hài lòng nằm trong khoảng từ 75% đến 85%. Kết quả này cho thấy cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo và các hoạt động đào tạo của nhà trường đáp ứng nhu cầu học tập của SV; giúp SV chủ động xây dựng phương pháp học tập, tích lũy kiến thức và chuẩn bị kỹ năng làm việc tốt.

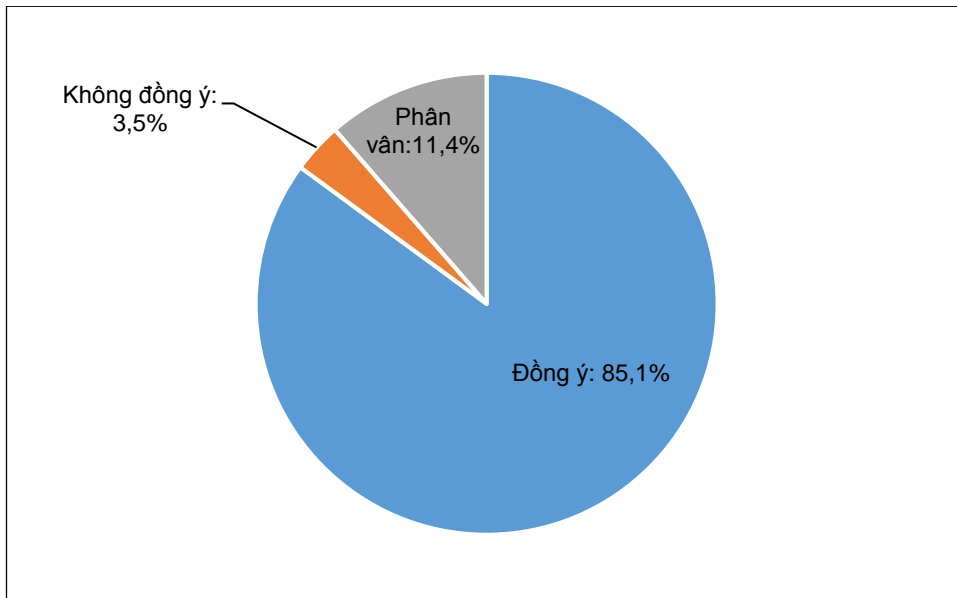
3. Sự hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng phục vụ của Nhà trường

Bảng 3. Sự hài lòng của sinh viên về chất lượng phục vụ của Nhà trường

Nội dung câu hỏi	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)
1. Anh/Chị hài lòng về trang thiết bị thực hành/thí nghiệm	10,3	21,2	68,5
2. Anh/Chị hài lòng với tài liệu do Thư viện, GV cung cấp	5,1	15,0	79,9
3. Anh/Chị hài lòng với chính sách hỗ trợ và đội ngũ tư vấn của trường	5,1	17,8	77,1
4. Anh/Chị hài lòng khi được tham gia góp ý, điều chỉnh chương trình đào tạo	4,8	16,5	78,7
5. Anh/Chị hài lòng về chất lượng phục vụ nói chung của Nhà trường như: Năng lực và thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên trường, hoạt động do ĐTN, HSV tổ chức; hoạt động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao; điều kiện cơ sở vật chất (phòng học, xưởng thực hành/thí nghiệm, thực tập, sân bãi...); chăm sóc sức khỏe ...	4,7	12,8	82,5

Nhìn chung sinh viên khá hài lòng về chất lượng phục vụ nói chung của Nhà trường, đạt 82,5%, tỷ lệ tương đương so với đợt khảo sát tháng 3/2019 là 84,5%. Tuy nhiên, trong đó vẫn còn một tiêu chí về trang thiết bị thực hành/thí nghiệm dưới 70%. Nhà trường cần đầu tư thêm về máy móc/thiết bị tại xưởng thực hành/phòng thí nghiệm để đáp ứng nhu cầu của sinh viên.

4. Sự hài lòng chung của sinh viên về chất lượng chương trình đào tạo



Hình 1. Sự hài lòng chung của sinh viên về chất lượng đào tạo

Từ biểu đồ hình 1, có một tỷ lệ khá cao 85,1% sinh viên tốt nghiệp hài lòng về chất lượng đào tạo chung của Nhà trường (số liệu tương ứng với đợt khảo sát tháng 1&3/2019, tỷ lệ là 88%).

5. Sinh viên tự đánh giá về khả năng tìm việc và học tập cao hơn

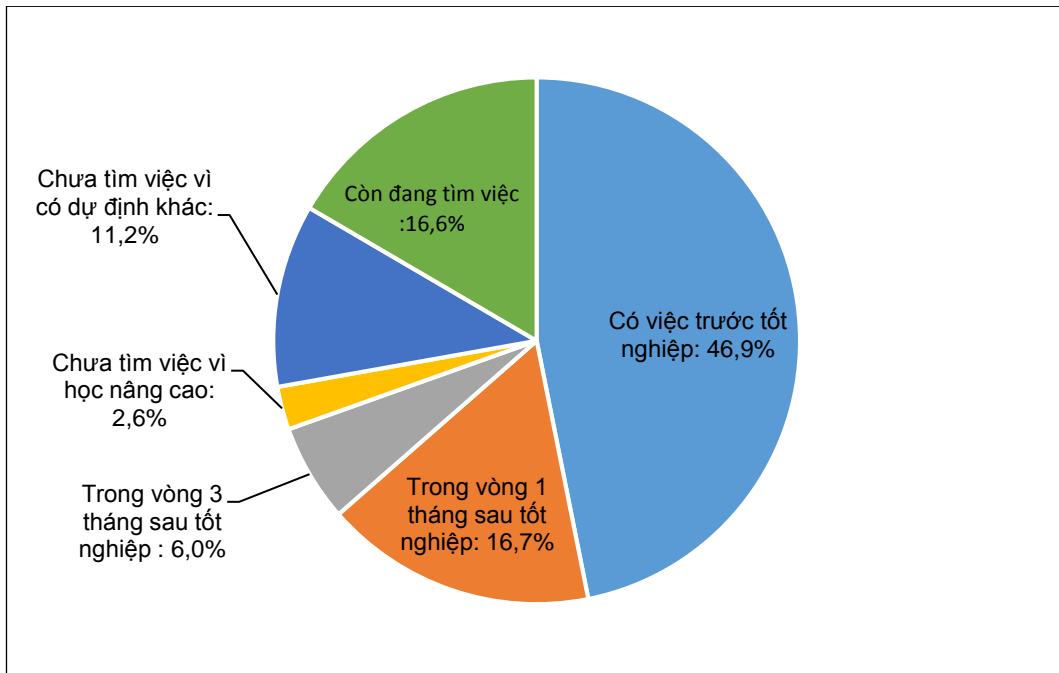
Bảng 4. Sinh viên tự đánh giá về khả năng tìm việc và học tập cao hơn

Nội dung câu hỏi	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)
1. Anh/Chị có đủ khả năng và có dự định tiếp tục học cao hơn	10,1	24,6	65,3
2. Anh/Chị có đủ khả năng tìm kiếm việc làm	2,3	8,5	89,2

Mục B. Khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp

1. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

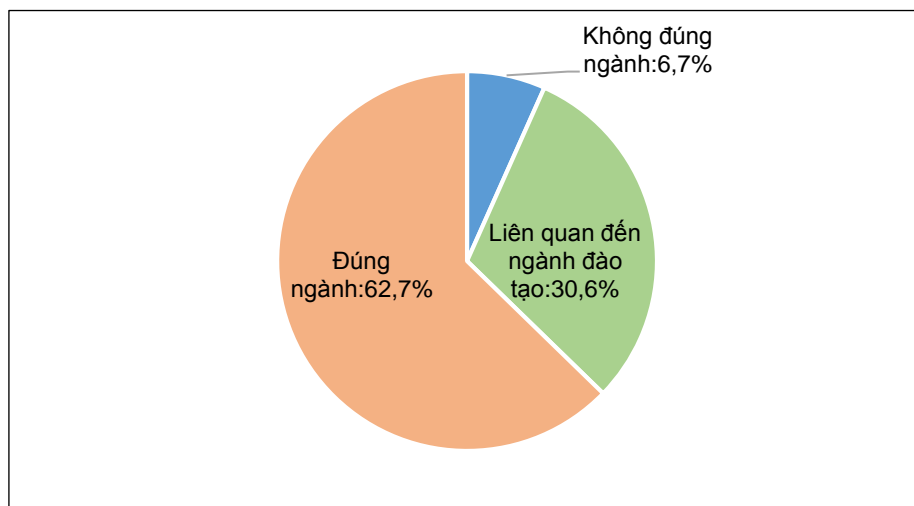
Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp thể hiện qua Biểu đồ như Hình 2:



Hình 2. Tình hình việc làm của SV tốt nghiệp

Biểu đồ hình 2 thể hiện tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 3 tháng tốt nghiệp đạt 69,6% trong đó: tỷ lệ sinh viên có việc trước tốt nghiệp đạt 46,9%; trong vòng 1 tháng sau tốt nghiệp đạt 16,7%; trong vòng 3 tháng sau tốt nghiệp là 6%. Tỷ lệ này đã được tăng 5,5% so với đợt khảo sát tháng 1&3/2019 (64,1%). 30,4% còn lại sinh viên chưa có việc làm, trong đó có 13,8% sinh viên học nâng cao hoặc có dự định khác. Tỷ lệ này đã giảm so với đợt khảo sát tháng 1&3/2019 (35,9%).

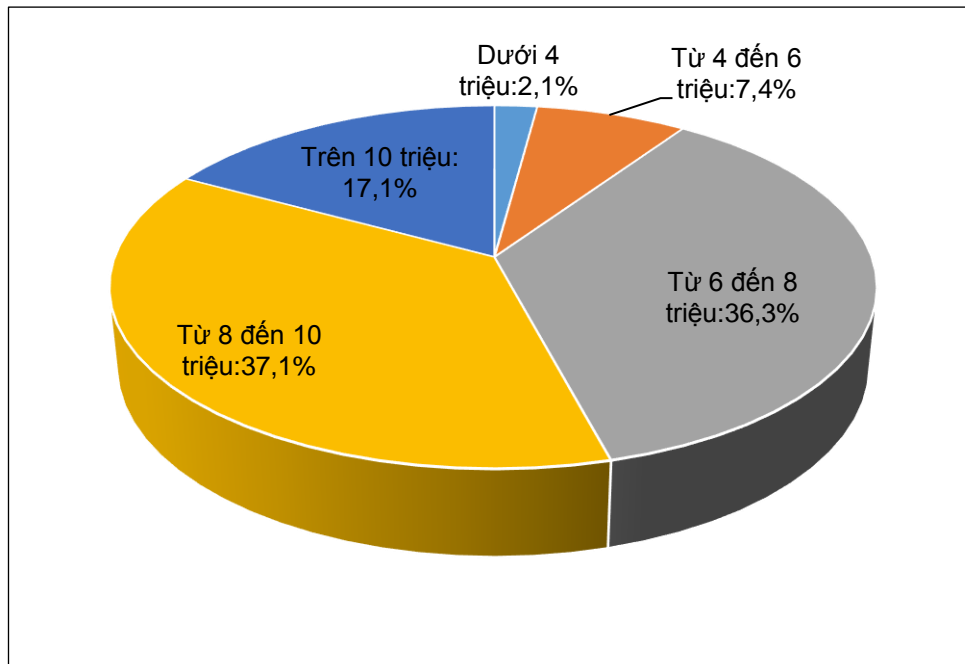
2. Tình hình việc làm của sinh viên so với chuyên ngành đã học



Hình 3. Tỷ lệ sinh viên làm việc theo chuyên ngành đào tạo

Biểu đồ Hình 3 cho thấy trong số sinh viên đã có việc làm, thì có 62,7% làm đúng chuyên ngành đã học; 30,6% liên quan đến ngành đào tạo và 6,7% không đúng ngành.

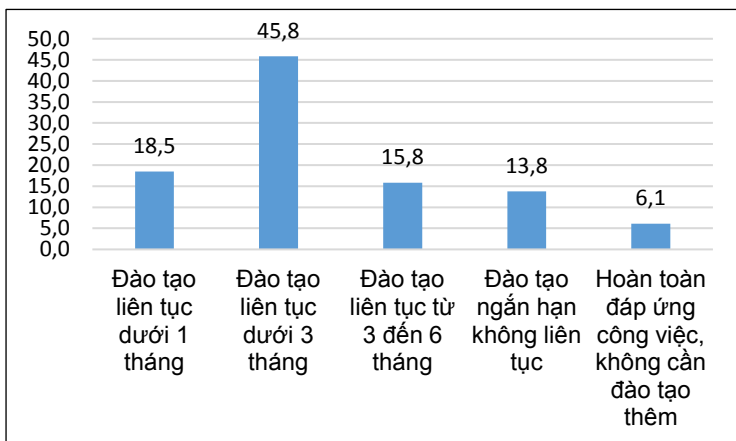
3. Thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên tốt nghiệp



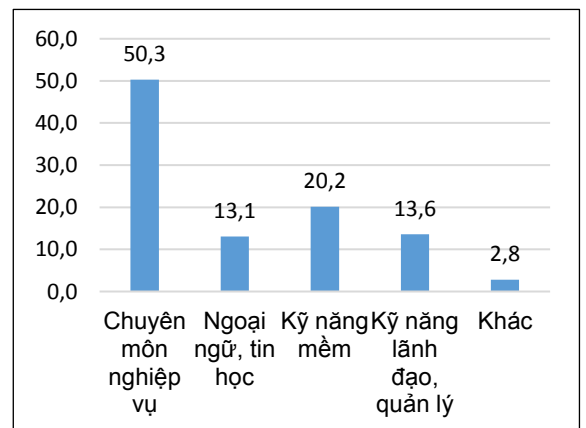
Hình 4. Thu nhập bình quân của SV tốt nghiệp

Biểu đồ Hình 4 thể hiện thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên sau tốt nghiệp 3 tháng: Có 2,1% sinh viên tốt nghiệp có mức thu nhập dưới 4 triệu/tháng; 7,4% thu nhập từ 4-6 triệu/tháng, 36,3% thu nhập từ 6-8 triệu/tháng, 37,1% thu nhập từ 8-10 triệu/tháng và có 17,1% thu nhập trên 10 triệu (số liệu khảo sát đợt tháng 1&3/2019 là 13,4%).

4. Nhà tuyển dụng đào tạo thêm khi đi làm



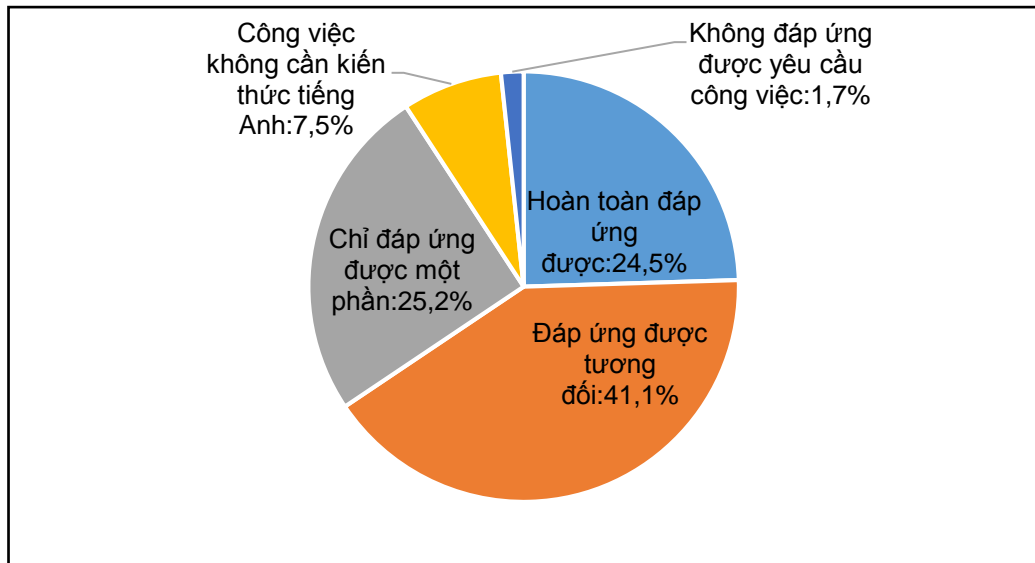
Hình 5. Tình hình đào tạo thêm cho SV



Hình 6. Lĩnh vực đào tạo thêm cho SV

Từ biểu đồ trên cho thấy hầu hết sinh viên tốt nghiệp ra trường đi làm đều được Nhà tuyển dụng đào tạo thêm. Nội dung đào tạo thêm chủ yếu liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ chiếm 50,3%, Nhà trường cần xem xét có giải pháp nhằm giảm tỷ lệ nội dung đào tạo lại của doanh nghiệp liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ.

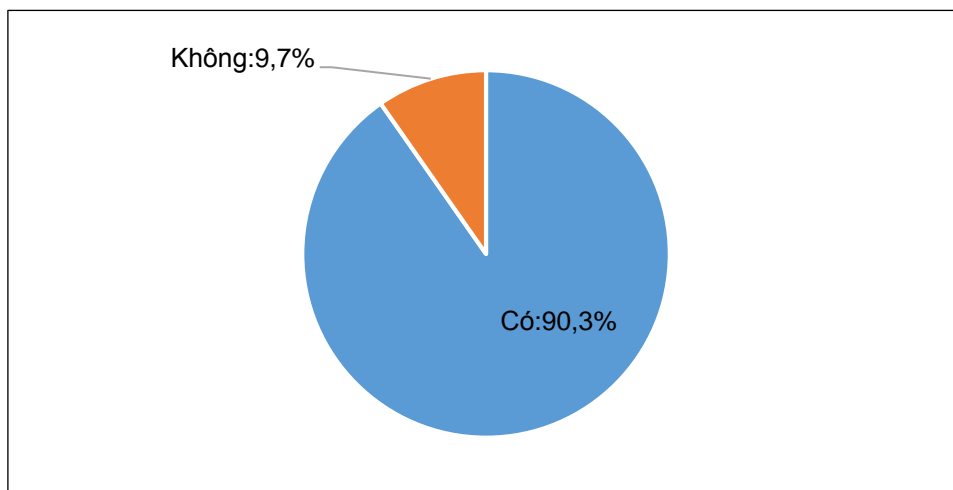
5. Trình độ tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc



Hình 7. Tỷ lệ trình độ tiếng Anh của sinh viên

Từ Biểu đồ hình 7, có 24,5% (số liệu khảo sát đợt tháng 1&3/2019 là 19,9%) sinh viên hoàn toàn có thể đáp ứng yêu cầu sử dụng tiếng Anh trong công việc, 41,1% (số liệu khảo sát đợt tháng 1&3/2019 là 44,7%) sinh viên đáp ứng được tương đối và 25,2% (số liệu khảo sát đợt tháng 1&3/2019 là 24,2%) sinh viên trả lời đáp ứng được một phần và 1,7% chưa đáp ứng được công việc (số liệu khảo sát đợt tháng 1&3/2019 là 2,3%). Nhà trường cần tiếp tục nâng cao kỹ năng tiếng Anh của sinh viên để phục vụ cho yêu cầu công việc.

6. Sự hài lòng của sinh viên về công việc hiện tại



Hình 8. Tỷ lệ sinh viên hài lòng với công việc hiện tại

Bảng 5. Mức độ tín nhiệm của sinh viên tốt nghiệp về trường

Nội dung câu hỏi	Không có ý kiến (%)	Không đồng ý (%)	Đồng ý (%)
Nếu có cơ hội khuyên hoặc tư vấn người thân, bạn bè chọn trường đại học Anh/Chị có khuyên họ thi vào Trường ĐHSP Kỹ thuật TP. HCM?	21,8	4,1	74,1

Bên cạnh khảo sát về chất lượng chương trình đào tạo, tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, Nhà trường đã khảo sát thêm thông tin về mức độ tín nhiệm của sinh viên về trường. Số liệu bảng 5 cho thấy đa số sinh viên tốt nghiệp hoàn toàn tin tưởng vào chất lượng giáo dục của Trường ĐHSP Kỹ thuật TP.HCM, có đến 74,1% sinh viên sẵn sàng tư vấn, giới thiệu về trường cho thế hệ sau theo học.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị (gửi email);
- Lưu phòng ĐBCL.

TP. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG



GVC. ThS. Đinh Thành Ngân